

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN ÁN SỐ: 77/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Huy Cường.
- Bà Nguyễn Thị Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Anh Đặng Viết T, sinh năm 1980 (Vắng mặt).
- Bị đơn:* Chị Trương Thị Thu L, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Viết T trình bày:

Anh và chị Trương Thị Thu L chung sống với nhau vào khoảng năm 2002, có tìm hiểu trước nên hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND phường T, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 25-8-2002. Sau đó vợ chồng anh về nhà của cha mẹ anh tại: Khu phố A, phường A, thị xã T sinh sống và làm ăn.

Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh chung sống không hạnh phúc và thường xảy ra cãi nhau về chuyện kinh tế trong gia đình. Vợ anh đi làm lấy tiền tiêu xài cho cá nhân mà không lo phụ giúp chi phí sinh hoạt trong gia đình và mọi việc trong gia đình đều do một mình anh lo lắng, chăm sóc. Bên cạnh đó, vợ anh lại có quan hệ bất chính với người đàn ông khác tại nhà vợ của anh ở huyện T do anh lên nhà vợ anh thấy được việc này. Anh đã khuyên nhiều lần nhưng vợ anh không chịu thay đổi mà tính tình vẫn như trước và đến tháng 6-2024 vợ anh tự ý bỏ nhà đi cho đến nay nên vợ chồng anh ly thân với nhau từ thời gian này. Kể từ ngày ly thân vợ chồng anh không gặp mặt nhau để bàn bạc việc đoàn tụ gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng anh đã không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh chung sống có 02 người con chung tên là Đặng Tấn P, sinh ngày 01-01-2003 và Đặng Tấn L1, sinh ngày 01-01-2005. Hiện 02 con đã thành niên và có khả năng tự lao động, sinh sống được nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thị Thu L: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị L để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị L không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự (trừ chị L), kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị L.
2. Về con chung: Hiện cháu Đặng Tấn P, sinh ngày 01-01-2003 và cháu Đặng Tấn L1, sinh ngày 01-01-2005 đều đã thành niên và có khả năng tự lao động, sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về hôn nhân: Anh T và chị L chung sống với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thị xã T. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay anh T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T thì thấy: Mâu thuẫn giữa anh chị chủ yếu phát sinh từ việc anh chị xảy ra cãi nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình khó khăn. Chị L đi làm nhưng không đưa tiền cho anh T để lo lắng cho gia đình mà mọi việc đều do anh T quan tâm và chăm sóc. Ngoài ra, anh T còn cho rằng chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác tại nhà của cha mẹ chị L. Anh T đã khuyên nhiều lần nhưng chị L vẫn không thay đổi mà tự ý bỏ nhà đi nơi khác sống từ khoảng tháng 6-2024. Kể từ ngày ly thân cho đến nay anh chị vẫn không có gặp mặt nhau để bàn bạc việc đoàn tụ gia đình. Tòa án đã nhiều lần tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng chị L không đến, chứng tỏ chị L đã bỏ mặc đến tình cảm của vợ chồng mình mà không có thiện chí muốn được đoàn tụ gia đình với anh T. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 người con chung là cháu Đặng Tấn P, sinh ngày 01-01-2003 và cháu Đặng Tấn L1, sinh ngày 01-01-2005. Hiện 02 cháu đều đã thành niên, có khả năng tự lao động, sinh sống được và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[3] *Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:*

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đặng Viết T đối với chị Trương Thị Thu L. Anh T được ly hôn với chị L.

2. Về con chung: Hiện cháu Đặng Tấn P, sinh ngày 01-01-2003 và cháu Đặng Tấn L1, sinh ngày 01-01-2005 đều đã thành niên và có khả năng tự lao động, sinh sống được nên anh T không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số: 0012478 ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Tây Ninh). Ghi nhận anh T đã nộp xong tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- UBND phường Trảng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh